

**PHỤ LỤC 8**  
**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT**  
**Về hoạt động phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Phần I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ và các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

Định mức kinh tế - kỹ thuật về hoạt động phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ dùng để quản lý sử dụng ngân sách nhà nước cho các hoạt động thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về KH&CN; Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin và truyền thông KH&CN; Tổ chức và tham gia triển lãm KH&CN (TECHMART, GROWTECH,...); Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN; Xây dựng và phát triển cổng thông tin KH&CN (website KH&CN Đồng Nai); Hoạt động thống kê KH&CN; Xây dựng vận hành CSDL quốc gia về KH&CN; Hoạt động thư viện KH&CN; Hoạt động phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ theo quy định của pháp luật.

Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt đơn giá, giá sản phẩm, dự toán kinh phí và quản lý kinh tế hoạt động xuất bản và thông tin, truyền thông trong sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Phương pháp xây dựng định mức lao động xây dựng theo phương pháp tổng hợp (thống kê, kinh nghiệm và ước lượng so sánh), phương pháp phân tích (phân tích tính toán và phân tích khảo sát).

Phương pháp xây dựng định mức thiết bị, định mức dụng cụ, định mức vật liệu được xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, phương pháp kinh nghiệm và phương pháp ước lượng so sánh).

Định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ được xây dựng theo quy trình kỹ thuật tại Văn bản, Thông tư của bộ KH&CN, TTTT, BTC... và các Quyết định của UBND tỉnh tương ứng.

Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được ban hành.

Các nội dung chi không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các Quy định khác của pháp luật hiện hành.

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng dự toán tại Quy định này là mức trần tối đa. Căn cứ vào quy mô, nội dung, tính chất của từng dịch vụ để áp dụng định mức chi phù hợp.

### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

Định mức này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, xây dựng và thực hiện dịch vụ hoạt động phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 4. Căn cứ xây dựng định mức**

- Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về chế độ nhuận bút, thù lao đối với các tác phẩm được đăng trên Công/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình;

- Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

- Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 6/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 19/1/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

- Thông tư 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 32/2014/tt-bkhn ngày 06 tháng 11 năm 2014 của bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ quy định quản lý chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

- Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công về cấu hình thủ tục hành chính và hoạt động bảo hành, bảo trì, hỗ trợ vận hành máy chủ và hệ thống mạng thông tin trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND Ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 11 Quy định về chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

- Thông tư 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ Nội vụ về quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ;

- Văn bản 2589/BTTTT-UĐCNTT ngày 24/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ.

## **Điều 5. Quy trình thực hiện dịch vụ công**

### **1. Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về KH&CN**

<b>TT</b>	<b>Đơn vị xử lý</b>	<b>Nội dung và trình tự thực hiện</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Vật tư, trang thiết bị</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Các đơn vị, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Các đơn vị, tổ chức nộp hồ sơ tại: + Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai; + Trung tâm KH&CN - Sở Khoa học và Công nghệ; + Bưu Điện (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, thông báo bằng văn bản đến tổ chức chủ trì nhiệm vụ)				Nhận trực tiếp hoặc TT HCC của tỉnh
2	Trung tâm KH&CN	Tiếp nhận công văn, văn bản yêu cầu có liên quan chuyển Phòng CSDL và TK KHCN	Ngày thứ 1			Phiếu chuyển phòng chuyên môn xử lý
3	Phòng CSDL &TK KHCN	Tiến hành kiểm tra hồ sơ, in Giấy biên nhận (Nếu nộp trực tiếp); in Giấy chứng nhận.	Ngày thứ 2	01	Máy tính, internet	Mẫu 10 TT14/2014/TT-BKHCN
4	Phòng CSDL &TK KHCN	Kiểm tra thông tin Giấy Chứng nhận	Ngày thứ 3	01	Máy tính, internet	Mẫu 10 TT14/2014/TT-BKHCN
5	Ban Giám đốc Trung tâm KH&CN	Phê duyệt Giấy chứng nhận	Ngày thứ 3	01	Giấy in	Mẫu 10 TT14/2014/TT-BKHCN
6	Phòng CSDL &TK KHCN	Lưu hồ sơ, trả kết quả	Ngày thứ 4	01	Giấy in, kẹp hồ sơ	
7	Phòng CSDL &TK KHCN	Công bố thông tin	Ngày thứ 5	01	Máy tính, internet	

**Lưu ý:** Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang nội dung bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Nộp trực tiếp (Người giải quyết hồ sơ: Trưởng phòng CSDL&TKKHCN) Phòng Cơ sở dữ liệu và Thống kê khoa học – công nghệ - Trung tâm KH&CN - Sở Khoa học và Công nghệ;

## 2. Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin và truyền thông KH&CN

TT	Đơn vị xử lý	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian	Nhân công	Vật tư, trang thiết bị	Ghi chú
1	Phòng CSDL &TK KHCN	Công tác chuẩn bị: Lập kế hoạch chi tiết các hoạt động và phương án thi công; Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL; Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.	30 ngày	02 người	Máy tính, internet	
2	Phòng CSDL &TK KHCN	Thu thập tài liệu: Tài liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu KH&CN bao gồm các thông tin: Về Tổ chức KH&CN; Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Doanh nghiệp KH&CN; Nhiệm vụ KH&CN; Công bố khoa học và chỉ số trích dẫn khoa học.v.v.v.	7-15 ngày	02 người	Máy tính, internet	
3	Phòng CSDL &TK KHCN	Rà soát, đánh giá và phân loại tài liệu: Tài liệu sau khi được thu thập sẽ được tiến hành rà soát, đánh giá, đối chiếu so sánh những thay đổi giữa các loại tài liệu	10 ngày	02 người	Máy tính, internet	
4	Phòng CSDL &TK KHCN	Quét (chụp) giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin	10 ngày	02 người	Máy tính, internet, máy scan	
5	Phòng CSDL &TK KHCN	Xây dựng dữ liệu thuộc tính	10 ngày	02 người	Máy tính, internet	
6	Phòng CSDL &TK KHCN	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu KH&CN và ký số điện tử	3-5 ngày	02 người	Máy tính, internet	
7	Trung tâm KH&CN	Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu CSDL KH&CN theo quy định sau khi thực hiện các nội dung công việc thì tiến hành kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao sản phẩm theo quy định.	3-5 ngày	02 người	Máy tính, internet	

### 3. Tổ chức và tham gia triển lãm KH&CN (TECHMART, GROWTECH,...)

TT	Đơn vị xử lý	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian	Nhân công	Vật tư, trang thiết bị	Ghi chú
<b>I</b>		<b>Tổ chức TECHMART, GROWTECH,...) trong tỉnh</b>				
1	Trung tâm KH&CN	<b>Công tác chuẩn bị:</b> Lập kế hoạch chi tiết các hoạt động và phương án thi công; Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác tổ chức triển lãm; Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.	30-90 ngày	02 người	Máy tính, internet, giấy in, kẹp hồ sơ	
2	Trung tâm KH&CN	Dự trù ngân sách, Đăng ký địa điểm	30-90 ngày	01 người	Máy tính, internet	
3	Phòng CSDL &TK KHCN	Tổ chức xây dựng gian hàng (bao gồm lên sơ đồ, thiết kế, thuê gian hàng sự kiện, dàn dựng mặt bằng, dàn dựng tổng thể)	7-10 ngày	05-07 người	Máy tính, internet	
4	Phòng CSDL &TK KHCN	Kế hoạch truyền thông...	05-07 ngày	01 người	Máy tính, internet, chụp ảnh, quay phim	
5	Phòng CSDL &TK KHCN	Chuẩn bị yếu tố vật chất, Chuẩn bị yếu tố con người	15-30 ngày	02 người	Máy tính, internet	
6	Phòng CSDL &TK KHCN	<b>Công tác hoạt động trong triển lãm:</b> Hoạt động giới thiệu – quảng cáo bán hàng, hoạt động giao tiếp với khách hàng...	04-05 ngày	05-07 người		
7	Phòng CSDL &TK KHCN	Công tác hoạt động sau triển lãm: Dọn hàng, dọn mặt bằng, Đánh giá tổng kết kết quả đạt được tại triển lãm, tổng kết quan hệ với khách hàng và ý kiến của khách hàng sau khi kết thúc hội chợ, Làm báo cáo kinh nghiệm để lập kế hoạch marketing, chuẩn bị hội chợ lần sau.	1-3 ngày	05-07 người	Phương tiện di chuyển, vận chuyển	
<b>II</b>		<b>Tham gia KH&amp;CN TECHMART, GROWTECH,...) trong và ngoài tỉnh</b>				
1	Trung tâm KH&CN	<b>Công tác chuẩn bị:</b> Lập kế hoạch chi tiết các hoạt động và phương án thi công; Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác tổ chức triển lãm; Chuẩn bị nhân lực, địa	15-30 ngày	02 người	Máy tính, internet	

		điểm làm việc.				
2	Phòng CSDL &TK KHCN	<b>Công tác thực hiện nội dung tham gia:</b> Đăng ký mặt bằng gian hàng; Thiết kế gian hàng; Chọn lựa sản phẩm trưng bày	30-60 ngày	02 người	Máy tính, internet	

#### 4. Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN

TT	Đơn vị xử lý	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian	Nhân công	Vật tư, trang thiết bị	Ghi chú
1	Trung tâm KH&CN	Tiếp nhận Website yêu cầu từ khách hàng, SKH&CN	05-07 ngày	02-03 người	Máy tính, internet	
2	Phòng CSDL &TK KHCN	Bảo hành và hỗ trợ vận hành máy chủ cài đặt hệ điều hành windows server và máy chủ cài đặt hệ cơ sở dữ liệu windows server	365 ngày	02-03 người	Máy tính, internet, Phần mềm	
3	Phòng CSDL &TK KHCN	Bảo hành và hỗ trợ vận hành máy chủ cài đặt hệ điều hành mã nguồn mở và máy chủ cài đặt hệ cơ sở dữ liệu mã nguồn mở	365 ngày	02-03 người	Máy tính, internet , Phần mềm	
4	Phòng CSDL &TK KHCN	Kiểm tra, bảo trì, giám sát, hiệu chỉnh thiết bị mạng thông tin và kiểm tra, hiệu chỉnh máy chủ. kiểm tra các chức năng, giám sát hoạt động và hiệu chỉnh thiết bị mạng Router, Switch, Access, Modem, Caching, FireWall, DNS, Netnews, Mail, Web, NMS, Billing,...)	365 ngày	02-03 người	Máy tính, internet, thiết bị	
5	Phòng CSDL &TK KHCN	Bảo hành, bảo trì, hỗ trợ vận hành hệ thống điện thoại nội bộ, camera, thiết bị thông minh,...	365 ngày	01-02 người	Máy tính, internet , thiết bị	

#### 5. Xây dựng và phát triển cổng thông tin KH&CN (website KH&CN Đồng Nai)

TT	Đơn vị xử lý	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian	Nhân công	Vật tư, trang thiết bị	Ghi chú
1	Trung tâm KH&CN	Tiếp nhận Website yêu cầu từ khách hàng	02-03 ngày	02-03 người	Máy tính, internet	
2	Phòng CSDL	Kiểm tra hình ảnh trên	02	01-02	Máy tính,	

	&TK KHCN	website	ngày	người	internet	
3	Phòng CSDL &TK KHCN	Kiểm tra toàn bộ nội dung của website	03-05 ngày	02-03 người	Máy tính, internet	
4	Phòng CSDL &TK KHCN	Tối ưu hóa website	02-03 ngày	02-03 người	Máy tính, internet	
5	Phòng CSDL &TK KHCN	Lên kế hoạch quản trị nội dung website	02-03 ngày	01-02 người	Máy tính, internet	
6	Phòng CSDL &TK KHCN	Báo cáo chi tiết việc quản trị website	02-03 ngày	01-02 người	Máy tính, internet	
7	Phòng CSDL &TK KHCN	Duy trì server	365 ngày	01-02 người	Máy tính, internet	
8	Phòng CSDL &TK KHCN	Tối ưu tốc độ tải trang	02-03 ngày	02-03 người	Máy tính, internet	
9	Phòng CSDL &TK KHCN	Đánh giá SEO và đảm bảo vấn đề bảo mật website để tránh bị hacker xâm nhập.	365 ngày	02-03 người	Máy tính, internet	

## 6. Hoạt động thống kê KH&CN

TT	Đơn vị xử lý	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian	Nhân công	Vật tư, trang thiết bị	Ghi chú
1	Phòng CSDL&TK KHCN	Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê	3- 10 ngày	1 người	Máy tính, internet	Thông tư 14/2014/TT-BKHCN; Thông tư 15/2018/TT-BKHCN
2	Phòng CSDL&TK KHCN	Thu thập thông tin điều tra	14-30 ngày	1 người	Giấy in, hộp hồ sơ	Thông tư 14/2014/TT-BKHCN; Thông tư 15/2018/TT-BKHCN
3	Phòng CSDL&TK KHCN	Chỉnh lý phiếu điều tra (nghiệm thu, kiểm tra đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu (không quá 7% tiền công thu thập thông tin)	3-7 ngày	1 người	Giấy in, hộp hồ sơ	Thông tư 14/2014/TT-BKHCN; Thông tư 15/2018/TT-BKHCN
4	Phòng CSDL&TK KHCN	Kiểm tra các số liệu điều tra trong phiếu	3-10 ngày	1 người	Máy tính, internet	Thông tư 14/2014/TT-BKHCN; Thông tư 15/2018/TT-BKHCN
5	Phòng CSDL&TK KHCN	Tổng hợp số liệu điền vào các biểu mẫu	3 ngày	1 người	Máy tính, internet	Thông tư 14/2014/TT-BKHCN; Thông tư

						15/2018/TT-BKHCN
6	Phòng CSDL&TK KHCN	Nhập dữ liệu lên phần mềm	3-20 ngày	1 người	Máy tính, internet	Phần mềm của Trung tâm; phần mềm của Cục Thông tin KH&CN quốc gia
7	Phòng CSDL&TK KHCN	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra	3-7 ngày	1 người	Máy tính, internet	Thông tư 14/2014/TT-BKHCN; Thông tư 15/2018/TT-BKHCN

## 7. Xây dựng vận hành CSDL quốc gia về KH&CN

TT	Đơn vị xử lý	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian	Nhân công	Vật tư, trang thiết bị	Ghi chú
1	Phòng CSDL&TK KHCN	Đăng nhập vào CSDL về nhiệm vụ KH&CN thông qua tài khoản đã được phân quyền	0.5 ngày	1 người	Máy tính, internet	
2	Phòng CSDL&TK KHCN	Cập nhật kết quả đăng ký nhiệm vụ KH&CN; nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành; Thông tin kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN	0.5 ngày	1 người	Máy tính, internet	
3	Phòng CSDL&TK KHCN	Kiểm tra, rà soát, đối chiếu để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu nhiệm vụ KH&CN đã được cập nhật vào CSDL quốc gia về nhiệm vụ KHCN	0.5 ngày	1 người	Máy tính, internet	
4	Phòng CSDL&TK KHCN	Gửi nhiệm vụ chờ phê duyệt	0.5 ngày	1 người	Máy tính, internet	

## 8. Hoạt động thư viện KH&CN

- Quy trình Tra cứu thông tin về các đề tài, dự án SXTN có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện

TT	Đơn vị xử lý	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian	Nhân công	Vật tư, trang thiết bị	Ghi chú
1	Các đơn vị,	Các đơn vị, tổ chức nào có				Nhận trực tiếp



	tổ chức có nhu cầu	nhu cầu tra cứu thông tin về các đề tài, dự án SXTN có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện có công văn yêu cầu				hoặc TT HCC của tỉnh
2	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	Tiếp nhận công văn, văn bản yêu cầu có liên quan đến tra cứu thông tin về các đề tài, dự án SXTN có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện chuyển Phòng CSDL và Thống kê KH&CN	Ngày thứ 1			Phiếu chuyển phòng chuyên môn xử lý
3	Phòng CSDL &TK KHCN	Tiến hành tra cứu thông tin trên CSDL nhiệm vụ KH&CN Quốc gia điền vào mẫu tra cứu	Ngày thứ 2	01	Máy tính, internet	mẫu C0-TCTT (Thông tư 03/2017/TT-BKHCN)
4	Phòng CSDL &TK KHCN	Tiến hành tra cứu thông tin trên CSDL công bố KH&CN Quốc gia điền vào mẫu tra cứu	Ngày thứ 3	01	Máy tính, internet	mẫu C0-TCTT (Thông tư 03/2017/TT-BKHCN)
5	Phòng CSDL &TK KHCN	Tiến hành tra cứu thông tin trên CSDL liên kết vùng Đông Nam Bộ điền vào mẫu tra cứu	Ngày thứ 4	01	Máy tính, internet	mẫu C0-TCTT (Thông tư 03/2017/TT-BKHCN)
6	Phòng CSDL &TK KHCN	Tiến hành tra cứu thông tin trên CSDL công bố nhiệm vụ KH&CN Đồng Nai điền vào mẫu tra cứu	Ngày thứ 5	01	Máy tính, internet	mẫu C0-TCTT (Thông tư 03/2017/TT-BKHCN)
7	Phòng CSDL &TK KHCN	Viết kết quả tra cứu thông tin về các đề tài, dự án SXTN có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện và trình Ban Giám đốc Trung tâm phê duyệt	Ngày thứ 6	01	Máy tính, giấy, máy in	mẫu C0-TCTT (Thông tư 03/2017/TT-BKHCN)
8	Ban Giám đốc Trung tâm KH&CN	Phê duyệt và trả Kết quả tra cứu thông tin về các đề tài, dự án SXTN có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện	Ngày thứ 7	01		
9	Phòng CSDL &TK KHCN	Lưu hồ sơ	Ngày thứ 8	01	Giấy in, kẹp hồ sơ	

## 9. Hoạt động phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ

TT	Đơn vị xử lý	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian	Nhân công	Vật tư, trang thiết bị	Ghi chú
1	Phòng chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát cơ sở hạ tầng, nguồn lực</li> <li>- Thu thập thông tin của đơn vị.</li> </ul>	2 - 4 ngày	02-03		
2	Phòng CSDL &TK KHCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập và phân tích yêu cầu chức năng phần mềm</li> </ul>	4 - 7 ngày	02-03		
3	Phòng CSDL &TK KHCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá, lựa chọn công nghệ ngôn ngữ lập trình</li> </ul>	2 - 3 ngày	02-03		
4	Phòng CSDL &TK KHCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế CSDL</li> <li>- Lập trình và xây dựng chức năng</li> <li>- Thiết kế giao diện</li> </ul>	30 - 60 ngày	04-06	Máy tính, internet	
5	Phòng CSDL &TK KHCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm thử và chỉnh sửa các chức năng, hệ thống.</li> <li>- Đánh giá mức độ an toàn, an ninh thông tin cho phần mềm.</li> </ul>	10 - 20 ngày	02-04	Máy tính, giấy, máy in	
6	Phòng CSDL &TK KHCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khởi tạo dữ liệu phần mềm</li> </ul>	2 - 3 ngày	02-03	Máy tính, internet	
7	Phòng CSDL &TK KHCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cài đặt cấu hình hệ quản trị cơ sở dữ liệu, các phần mềm liên quan, cài đặt PM</li> </ul>	2 - 3 Ngày	02-03	Máy tính, internet	
8	Phòng CSDL &TK KHCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo, hướng dẫn vận hành và quản trị phần mềm.</li> </ul>	2 - 3 ngày	02-03	Máy tính, internet, máy chiếu	
9	Phòng CSDL &TK KHCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo trì, duy trì hệ thống</li> </ul>	2 - 3 ngày	02-03	Máy tính, internet	

## Điều 6. Nội dung định mức

TT	Nội dung	Định mức quy định	Ghi chú
1	Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về KH&CN		

1.1	Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành.	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra và các hoạt động nghiệp vụ thống kê KH&CN.	Khoản 6, điều 6, QĐ 59/2018/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai ngày 28/12/2018
1.2	Thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra và các hoạt động nghiệp vụ thống kê KH&CN.	Khoản 6, điều 6, Quyết định 59/2018/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai ngày 28/12/2018
1.3	Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Chi In cấp giấy chứng nhận; Lưu trữ hồ sơ (Bản giấy, bản điện tử, ảnh, phim, ...).	QĐ 59/2018/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai ngày 28/12/2018
1.4	Công bố và cung cấp thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Chi viết bài giới thiệu kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống; mô hình đổi mới quản lý KHCN.	QĐ 29/2015/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai ngày 02/10/2015
1.5	Dịch vụ thông tin, truyền thông	Chi sản xuất phim, phóng sự, tin, bài, phổ biến kiến thức, triển lãm, hội chợ công nghệ, tổ chức sự kiện, hội chợ sách về khoa học và công nghệ.	- Thông tư 09/2020/TT-BTTTT ngày 24/4/2020 - Thông tư 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018
1.6	Dịch vụ khai thác các cơ sở dữ liệu liên quan đến đánh giá khoa học và công nghệ.	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: công tra cứu và viết báo cáo cung cấp thông tin.	Điểm b, Khoản 1, Điều 6, QĐ 59/2018/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai ngày 28/12/2018
<b>2</b>	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin và truyền thông KH&amp;CN</b>		
2.1	Chi nhập dữ liệu.	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: thu thập, chuyển đổi các tài liệu/dữ liệu gốc sang các đơn vị dữ liệu số để lưu trữ dưới dạng điện tử và nhập các thông tin cần thiết vào CSDL theo thiết kế, yêu cầu của các	- Thông tư 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/ 2012 - Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 Về việc Công bố
2.2	Chi tạo lập các trang siêu văn bản.		
2.3	Chi số hóa thông tin.		

		phần mềm quản lý CSDL	Định mức tạo lập CSDL trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin
2.4	Chi tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn.	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Dữ liệu tài liệu lưu trữ ở dạng thô là dữ liệu ở dạng số được chuyển từ tài liệu lưu trữ bằng phương pháp chụp, quét ảnh để lưu trữ trên máy tính cùng với dữ liệu tài liệu lưu trữ khác	
2.5	Viết bài theo chuyên đề	Chi viết bài nghiên cứu, Phổ biến thông tin KH&CN,... (toàn văn), Phim KH&CN trong và ngoài nước	QĐ 29/2015/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai ngày 02/10/2015
<b>3</b>	<b>Tổ chức và tham gia triển lãm KH&amp;CN (TECHMART, GROWTECH,...)</b>		
3.1	Tổ chức chợ công nghệ và thiết bị trong tỉnh (techmart)	Hỗ trợ 100% chi thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức	- Điểm b, c, d Khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 6/11/2014; QĐ 02/2016/QĐ-UBND ngày 19/1/2016; - Thông tư 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016
3.2	Hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp... tham gia Techmart theo chương trình	Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng	
3.3	Tổ chức và tham gia gian hàng chung của tỉnh Đồng Nai tham gia Techmart vùng, quốc gia (trường hợp UBND tỉnh có chủ trương)	Mức chi 100% chi phí cấu thành gian hàng (gồm chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, dịch vụ điện nước, vệ sinh, bảo vệ,...) công tác phí, tiền thuê phòng nghỉ cho nhân viên quản lý gian hàng chung. Số gian hàng được hỗ trợ tối đa 04 gian/techmart	
3.4	Hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp,... tham gia Techmart vùng, quốc gia	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, vé máy bay (chi hỗ trợ vé máy bay cho chủ cơ sở công nghiệp nông thôn). Số gian hàng được hỗ trợ tối đa 01 gian/lần	
3.5	Hỗ trợ gian hàng chung của tỉnh	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: in ấn tài liệu, brochure,... tùy tính chất, quy mô techmart, vé máy bay (số người được hỗ trợ theo QĐ của cơ quan có thẩm quyền), tiền thuê	

		phòng nghỉ, tiêu vật cho CB, VC được giao NV quản lý gian hàng chung, chi phí vận chuyển hàng hóa và các khoản chi khác theo quy định tại TT 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012	
3.6	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật	Mức hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình	
<b>4</b>	<b>Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&amp;CN</b>		
4.1	Bảo hành và hỗ trợ vận hành máy chủ cài đặt hệ điều hành windows server và máy chủ cài đặt hệ cơ sở dữ liệu windows server	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Bảo hành và hỗ trợ vận hành máy chủ và phần mềm CSDL.	
4.2	Bảo hành và hỗ trợ vận hành máy chủ cài đặt hệ điều hành mã nguồn mở và máy chủ cài đặt hệ cơ sở dữ liệu mã nguồn mở	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Bảo hành và hỗ trợ vận hành máy chủ và phần mềm CSDL nguồn mở.	QĐ 15/2020/QĐ-UBND tỉnh ĐN ngày 05/5/2020
4.3	Kiểm tra, bảo trì, giám sát, hiệu chỉnh thiết bị mạng thông tin và kiểm tra, hiệu chỉnh máy chủ	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: kiểm tra các chức năng, giám sát hoạt động và hiệu chỉnh thiết bị mạng Router, Switch, Access, Modem, Caching, FireWall, DNS, Netnews, Mail, Web, NMS, Billing,...)	QĐ 15/2020/QĐ-UBND tỉnh ĐN ngày 05/5/2020
4.4	Bảo hành, bảo trì, hỗ trợ vận hành hệ thống điện thoại nội bộ, camera, thiết bị thông minh,...	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Bảo hành và hỗ trợ vận hành hệ thống điện thoại nội bộ, camera, thiết bị thông minh... nội bộ	
<b>5</b>	<b>Xây dựng và phát triển cổng thông tin KH&amp;CN</b>		
5.1	Chỉ viết tin tức, bài viết, hình ảnh, tạo lập thông tin điện tử,...	Tối thiểu	- QĐ 29/2015/QĐ-UBND tỉnh ĐN ngày 02/10/2015 - QĐ 46/2018/QĐ-UBND Ngày
5.2	Chỉ cập nhật các loại phim và thông tin âm thanh	Tối thiểu	
5.3	Chỉ dịch thuật	Tối thiểu	

5.4	Chi thù lao quản lý và biên tập	20%	05/11/2018
6	Hoạt động thống kê KH&CN		
6.1	Điều tra thống kê KH&CN.	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra và các hoạt động nghiệp vụ thống kê KH&CN	QĐ 59/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
6.2	Hoạt động nghiệp vụ thống kê KH&CN		
7	Xây dựng vận hành CSDL quốc gia về KH&CN		
7.1	Thu thập thông tin	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: quản lý tài khoản, cập nhật, sửa chữa thông tin trên CSDL được phân cấp, được tính theo ngày công lao động = lương cơ bản x 0.13 x số ngày công thực hiện	QĐ 59/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
7.2	Cập nhật các thông tin được phân cấp.		
8	Hoạt động thư viện KH&CN		
8.1	Tra cứu và cung cấp thông tin “về các đề tài, dự án SXTN có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện”. (mỗi 01 nhiệm vụ gồm công tra cứu + viết báo cáo = 01 ngày công lao động)	Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: công tra cứu và viết báo cáo cung cấp thông tin, được tính theo ngày công lao động = lương cơ bản x 0.16 x số ngày công thực hiện	QĐ 59/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
8.2	Xử lý thông tin, cập nhật mục lục tài liệu.	Hỗ trợ 100% chi phí	Thông tư 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ Nội vụ
8.3	Lưu trữ bảo quản và phục chế tài liệu.		
8.4	Phục vụ bạn đọc tại chỗ và trực tuyến.		
8.5	Duy trì và phát triển hệ thống dịch vụ điện tử trực tuyến trong lĩnh vực KH&CN.	Hỗ trợ 100% chi phí	
9	Hoạt động phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ		VB số 2589/BTTTT -UĐCNTT ngày 24/8/2011 của Bộ TTTT